TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST Ngày 14/8/2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Ông Đào Xuân Tìm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1983;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam;

Nơi ở: Số nhà 35 tổ 3, khu phố Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Tri D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 35 tổ 3, khu Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh C trình bày: Chị và anh Bùi Tri D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/6/2009. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ anh D ở xã L. Đầu năm 2011, chị đã thuyết phục anh D vào sinh sống, làm ăn tại tỉnh Bình Dương. Từ đầu năm 2013, anh D lại quay về sinh sống cùng bố mẹ tại xã L, huyện Kim Thành. Quá trình vợ chồng chung sống, anh chị đã thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh D không chịu làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh chị thường xảy ra cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2013 đến nay. Thời gian sống ly thân, anh D không tìm, không động viên chị về đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là Bùi Quốc T, sinh ngày 22/9/2009. Cháu đang ở với chị. Chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị có đi làm, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thanh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Nh là mẹ đẻ anh D trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng, giữa chị C và anh D cũng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là anh D còn mải chơi, chưa quan tâm đến gia đình, anh chị có xảy ra va chạm, cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân thời gian dài, chị C sống trong Nam còn anh D sống ngoài Bắc. Anh D có nói lại với bà là cũng đồng ý ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh D và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã L xuống tại gia đình anh D để làm việc, nhưng anh D vắng mặt không có nhà. Bà Nh là mẹ của anh D trình bày, anh D đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà. Các văn bản, tài liệu Tòa án giao cho anh D, bà nhận thay và đã giao lại cho anh D, nhưng do công việc, anh D không đến Tòa án

làm việc được. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh D đến tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh D đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị C giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 39 Bộ luật Dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thanh C được ly hôn anh Bùi Tri D. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thanh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 22/9/2009. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh C và anh Bùi Tri D kết hôn vào năm 2009, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, anh D không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh D cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị C. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh D bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh D. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh C xin được ly hôn anh Bùi Tri D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thanh C và anh Bùi Tri D có một con chung là Bùi Quốc T, sinh ngày 22/9/2009. Cháu Toàn do chị C trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh D không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Cháu T có ý kiến được ở với chị C. Chị C có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của cháu T, Toà án giao cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thanh C không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh C có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thanh C được ly hôn anh Bùi Tri D.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc T, sinh ngày 22/9/2009 cho chị Nguyễn Thanh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Bùi Tri D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003965 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thanh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn